

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/LĐ-PT

Ngày 30-01-2018

V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh
toán tiền lương, trợ cấp thôi việc và yêu
cầu trả sổ bảo hiểm, bồi thường do
không chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho
người lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Văn Cường

Ông Phạm Văn Phích

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLPT-LĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lương, trợ cấp thôi việc và yêu cầu trả sổ bảo hiểm, bồi thường do không chốt trả Sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Điều T; nơi cư trú: Xóm 8, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần D; trụ sở: Km9, Quốc lộ 5, phường Đ, quận E, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P- Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 23/2017/GUQ-TVN.CTHĐQT ngày 16/01/2017), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Vũ Điều T trình bày:

Anh Vũ Điều T là người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần D từ ngày 03/11/2008 theo Hợp đồng lao động số 35/2008/HĐLĐ-TVN. Ngày 01/4/2015, anh Trường nghỉ việc tại Công ty theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 31/2015/QĐ-TVN ngày 05/3/2015. Theo nội dung của Quyết định nêu trên anh Trường được hưởng trợ cấp thôi việc là 3.499.000đ, tiền lương và các chế độ theo lương của anh Trường được hưởng theo chế độ của Công ty tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động. Tại thời điểm anh Trường nghỉ việc, Công ty Cổ phần D còn nợ anh Trường 07 tháng lương, bao gồm lương tháng 9, 10, 11, 12 năm 2013 và tháng 3, 4, 5 năm 2014 với tổng số tiền là 25.469.573 đồng. Anh Trường yêu cầu Công ty Cổ phần D:

1. Thanh toán 07 tháng tiền cho anh là 25.469.573 đồng và tiền lãi chậm trả do chậm thanh toán tiền lương;
2. Tiền trợ cấp thôi việc là 3.499.000đ;
3. Thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp 15.000.000đồng và phải trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh.

Công ty Cổ phần D trình bày: Do suy thoái của nền kinh tế những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty, dẫn đến việc Công ty phải dừng sản xuất, có nguy cơ lâm vào tình trạng phá sản, dẫn đến nợ tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội, kéo theo các chế độ quyền lợi của người lao động đã nghỉ việc chưa được giải quyết. Đến nay, được sự phê chuẩn của UBND thành phố Hải Phòng và các ngân hàng thương mại, Công ty đã triển khai đề án tái cấu trúc, cơ cấu lại toàn bộ doanh nghiệp và từng bước hoạt động sản xuất ổn định trở lại. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có lãi nhưng Công ty vẫn quan tâm giải quyết những tồn tại cũ liên quan đến vấn đề nợ lương, trợ cấp thất nghiệp, nợ tiền bảo hiểm xã hội và chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Công ty xác nhận còn nợ anh Trường 07 tháng tiền lương, số tiền là 25.469.573 đồng, tiền trợ cấp thôi việc là 3.499.000đ, xác nhận việc Công ty hiện đang lưu giữ sổ bảo hiểm xã hội cho anh Trường. Công ty sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc nêu trên và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh Trường. Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trường đối với khoản tiền lãi từ việc chậm thanh toán tiền lương và khoản tiền bồi

thường mà anh Trường nêu do Công ty không chốt trả được sổ bảo hiểm xã hội khiến anh Trường không thanh toán được tiền trợ cấp thất nghiệp tại cơ quan bảo hiểm.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐ-PT ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Điều T:

Buộc Công ty Cổ phần D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trợ cấp thôi việc là 3.499.000 đồng;

Buộc Công ty Cổ phần D phải bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là 15.000.000đ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Điều T về việc buộc Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lương và lãi do chậm thanh toán tiền lương.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 09/10/2017 Công ty Cổ phần D có đơn kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần D phải bồi thường khoản trợ cấp thất nghiệp là 15 triệu đồng là không có căn cứ, việc thu thập chứng cứ và chứng minh tại cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ. Yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Trong suốt thời gian anh Trường nghỉ việc, anh Trường không đến Công ty để nhận Sổ bảo hiểm xã hội và cũng không có văn bản nào gửi Công ty đề nghị chốt Sổ bảo hiểm xã hội để hưởng trợ cấp thất nghiệp. Công ty xác nhận việc chậm trả Sổ bảo hiểm cho anh Trường là có lỗi nhưng anh Trường không đưa ra được chứng cứ để chứng minh anh đã đến Trung tâm giới thiệu việc làm để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp. Điều này đồng nghĩa với việc anh Trường không đi đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp. Theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội, Công ty Cổ phần D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trường đối với khoản trợ cấp thất nghiệp.

Nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Công ty Cổ phần D chấm dứt hợp đồng lao động với anh từ ngày 01/4/2015, đến nay Công ty chưa trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh. Sau khi bị chấm dứt hợp đồng lao động, anh đã đến cơ quan Bảo hiểm xã hội để hỏi về thủ tục trợ cấp thất nghiệp nhưng được trả lời là theo Điều 16 của Nghị định 28/2015/CP của Chính Phủ thì phải có Sổ bảo hiểm xã hội thì

mới được đăng ký thất nghiệp. Anh đã liên hệ với Công ty nhưng được trả lời là chưa chốt được sổ bảo hiểm. Việc Công ty không trả Sổ bảo hiểm cho anh nên anh đã không đăng ký thất nghiệp theo quy định. Anh Trường là người lao động không hiểu biết pháp luật, không chấp nhận quan điểm của người đại diện hợp pháp của bị đơn. Yêu cầu Công ty thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp cho anh là 15.000.000đ vì hiện nay anh chưa có việc làm. Anh Trường xác nhận việc không đăng ký thất nghiệp là có phần lỗi, và anh không có tài liệu chứng minh anh đã đến cơ quan Bảo hiểm để hỏi thủ tục đăng ký thất nghiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đơn kháng cáo: Theo quy định tại Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017 của Công ty Cổ phần D thì ông Nguyễn Văn Phi, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty ký đơn kháng cáo là chưa đúng.

Về nội dung kháng cáo: Do Công ty Cổ phần D không chốt Sổ bảo hiểm xã hội và trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Trường nên anh Trường không thực hiện được việc đăng ký thất nghiệp để được trợ cấp thất nghiệp. Anh Trường khởi kiện Công ty phải trả tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho anh là đúng quy định của pháp luật. Công ty kháng cáo tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trường khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc và bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp, các chế độ khác, theo Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Trường chấm dứt hợp đồng với Công ty Cổ phần D từ ngày 01/4/2015. Đến ngày 13/6/2016 anh Trường mới có đơn đề nghị Công ty thanh toán tiền lương và các quyền lợi khác là trợ cấp thôi việc, bồi thường trợ cấp thất nghiệp, trả Sổ bảo hiểm xã hội. Như vậy đến ngày 13/6/2016 thì thời hiệu đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền trợ cấp thôi việc, bồi thường trợ cấp thất nghiệp, trả Sổ bảo hiểm xã hội thì thời hiệu khởi kiện đã hết, tuy nhiên quá

trình giải quyết vụ án không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu, do đó Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu thanh toán 07 tháng tiền lương và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán: Đây là tranh chấp giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động, theo Điều 201 của Bộ luật Lao động năm 2012 bắt buộc phải thông qua thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Toà án. Anh Trường khởi kiện nhưng chưa thông qua thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động. Do đó Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này của anh Trường là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần D:

4.1. Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần D đã thực hiện đúng quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, 3 Điều 1 của Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017 của Công ty Cổ phần D nên đơn kháng cáo hợp pháp.

4.2. Về nội dung kháng cáo:

Công ty kháng cáo tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thì hồ sơ nộp xin hưởng trợ cấp thất nghiệp bao gồm có sổ bảo hiểm xã hội.

Theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 31/2015/QĐ-TVN ngày 05/3/2014 của Công ty Cổ phần D thì anh Trường nghỉ việc từ ngày 01/4/2015. Tuy nhiên, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với anh Trường, đến ngày 31/12/2016 Công ty Thép Việt Nhật mới thanh toán xong số tiền bảo hiểm với Bảo hiểm xã hội và chốt xong Sổ bảo hiểm cho người lao động. Đến nay, Công ty vẫn chưa trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Cổ phần D đã nhận lỗi trong việc nợ tiền bảo hiểm xã hội của người lao động dẫn đến việc không chốt trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh Trường theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ cũng quy định: *"Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc), kể từ ngày đăng ký thất nghiệp, người lao động phải trực tiếp nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này cho cơ quan lao động nơi người lao động đăng ký thất nghiệp hoặc cơ quan lao động nơi chuyển đến để hưởng bảo hiểm thất nghiệp"*. Anh Trường khai anh có hỏi thủ tục đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp và được trả lời là kèm theo hồ sơ hưởng trợ cấp thất

nghiệp phải xuất trình sổ bảo hiểm xã hội nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện đã đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp. Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện anh Trường đã đến cơ quan lao động để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Và tại Điều 81 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì người thất nghiệp được hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ mười hai tháng trở lên trong thời gian hai mươi bốn tháng trước khi thất nghiệp;
2. Đã đăng ký thất nghiệp với tổ chức bảo hiểm xã hội;
3. Chưa tìm được việc làm sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Anh Trường đã đóng bảo hiểm thất nghiệp 06 năm 03 tháng và hiện vẫn chưa có việc làm nhưng anh Trường chưa đăng ký thất nghiệp với tổ chức bảo hiểm xã hội nên cũng có một phần lỗi.

Tòa án cấp phúc thẩm xác định Công ty Cổ phần D có lỗi chủ yếu dẫn đến việc anh Trường không được hưởng trợ cấp thất nghiệp, anh Trường cũng chịu một phần lỗi của mình, cụ thể Công ty Cổ phần D phải chịu 70% lỗi, anh Trường chịu 30% lỗi.

Anh Trường đã đóng bảo hiểm thất nghiệp là 75 tháng nên theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 82 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 thì mức trợ cấp thất nghiệp anh Trường được hưởng hàng tháng là:

$$60\% \times (\text{lương tháng 10, 11, 12/2014} + \text{lương tháng 1, 2, 3/2015})/6 = (3.499.000\text{đ} \times 3 + 3.071.000\text{đ} \times 3)/6 = 1.971.000\text{đồng/tháng}.$$

$$\text{Số tiền trợ cấp thất nghiệp được hưởng là } 1.971.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 17.739.000\text{đ}.$$

Tuy nhiên, anh Trường chỉ yêu cầu được hưởng 15.000.000đ tiền trợ cấp thất nghiệp. Do vậy Công ty Cổ phần D phải thanh toán khoản tiền trợ cấp thất nghiệp cho anh Trường là $15.000.000\text{đ} \times 70\% = 10.500.000\text{đồng}$.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm của bị đơn.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Sửa lại phần án phí lao động sơ thẩm đối với Công ty Cổ phần D.

Bản án sơ thẩm Quyết định Công ty Cổ phần D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trợ cấp thôi việc 3.499.000đồng và tiền trợ cấp thất nghiệp 15.000.000đồng nhưng lại quyết định cho Công ty Thép Việt Nhật phải chịu 554.970 đồng án phí là không đúng quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Về án phí lao động phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47; Điều 201 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 82 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; khoản 7 và khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 và Điều 48 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm:

Buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán khoản tiền trợ cấp thôi việc là 3.499.000 đồng (ba triệu bốn trăm chín chín nghìn đồng) và bồi thường khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng) cho anh Vũ Điều T.

Công ty Cổ phần D phải trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Vũ Điều T.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Điều T về việc buộc Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lương và lãi do chậm thanh toán tiền lương.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần D phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm là 699.950 đồng (sáu trăm chín mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Công ty được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí lao động phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007573 ngày 02/11/2017.

Số tiền án phí Công ty Cổ phần D còn phải nộp là 399.950 đồng (ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Cường

Phạm Văn Phích

Đặng Hồ Diệp

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

